LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

***Tên đề tài****:* **XÂY DỰNG WEBSITE NẾN THƠM VÀ TINH DẦU**

**Giáo viên hướng dẫn: Trần Quốc Trường**

**BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ tên** | **Lớp** | **Mã số sinh viên** |
| 1 | Nguyễn Thị Hồng Oanh | D19\_TH04 | DH51904209 |

* Báo cáo công việc Tuần 2:

|  |  |
| --- | --- |
| Công việc | Trang thái |
| 1.Tiếp tục code trang user và trang admin, code trang thêm sản phẩm | Hoàn thành |
| 2.Code show thư mục cha con | Hoàn thành |
| 3.Code từ thư mục cha con nếu chọn sẽ show ra sản phẩm | Hoàn thành |
| 4.Tìm kiếm hình ảnh sản phẩm | Hoàn thành |
| 5.Tìm hiểu và rang buộc database để tiếp tục code các chức năng khác | Hoàn thành |
| 6.Vẽ sơ đồ chức năng( admin & khách hàng), usecase tổng quát, mô hình dữ liệu, mô tả các loại thực thể, | Hoàn thành |

* CÁC SƠ ĐỒ CHỨC NĂNG:

1. Nhân viên quản lý:

Ảnh có chứa văn bản, biểu đồ, ảnh chụp màn hình, hàng

Nội dung do AI tạo ra có thể không chính xác.

1. Khách hàng:

Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, biểu đồ, Phông chữ

Nội dung do AI tạo ra có thể không chính xác.

1. Sơ đồ Usecase tổng quát:

4Ảnh có chứa văn bản, biểu đồ, Phông chữ, hàng

Nội dung do AI tạo ra có thể không chính xác.. Cơ sở dữ liệu:

1. Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Phông chữ, biểu đồ

   Nội dung do AI tạo ra có thể không chính xác.Mô tả cơ sở dữ liệu:

-Loại thực thể USER:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thuộc tính | Kiểu | K | U | M | Diễn giải |
| id | int(10) | x | x | x | Mã người dùng |
| name | varchar(100) |  |  |  | Tên người dùng |
| email | varchar(100) |  |  |  | Địa chỉ email |
| password | varchar(50) |  |  |  | Mật khẩu |
| address | varchar(255) |  |  |  | Địa chỉ |
| role | varchar(10) |  |  |  | Phân quyền |
| phone | varchar(20) |  |  |  | Số điện thoại |

-Loại thực thể CATEGORIE:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thuộc tính | Kiểu | K | U | M | Diễn giải |
| id | int(10) | x | x | x | Mã nhóm hàng |
| name | varchar(100) |  |  |  | Tên nhóm hàng |
| description | varchar(255) |  |  |  | Mô tả |

- Loại thực thể SCENTS:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thuộc tính | Kiểu | K | U | M | Diễn giải |
| id | int(5) | x | x | x | Mã mùi hương |
| name | varchar(100) |  |  |  | Tên mùi hương |
| description | varchar(255) |  |  |  | Mô tả |

- Loại thực thể MANUFACTURES:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thuộc tính | Kiểu | K | U | M | Diễn giải |
| id | int(10) | x | x | x | Mã nhà sản xuất |
| country | varchar(100) |  |  |  | Tên nhà sản xuất |
| name | varchar(100) |  |  |  | Nơi sản xuất |
| descriptione | varchar(255) |  |  |  | Mô tả |

- Loại thực thể PRODUCTS:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thuộc tính | Kiểu | K | U | M | Diễn giải |
| id | int(10) | x | x | x | Mã sản phẩm |
| name | varchar(100) |  |  |  | Tên sản phẩm |
| category\_id | int(10) |  |  |  | Mã nhóm hàng |
| scent\_id | int(5) |  |  |  | Mã mùi hương |
| manufacturer\_id | int(10) |  |  |  | Mã nhà sản xuất |
| price | decimal(10,2) |  |  |  | Giá sản phẩm |
| quantity | int(10) |  |  |  | Số lượng |
| description | varchar(255) |  |  |  | Mô tả |
| image | varchar(255) |  |  |  | Hình ảnh |

-Loại thực thể CART:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thuộc tính | Kiểu | K | U | M | Diễn giải |
| id | int(10) | x | x | x | Mã giỏ hàng |
| user\_id | int(10) |  |  |  | Mã người dùng |
| product\_id | int(10) |  |  |  | Mã sản phẩm |
| quantity | int(10) |  |  |  | Số lượng |
| total\_amount | decimal(10,2) |  |  |  | Tổng tiền |

-Loại thực thể ORDERS:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thuộc tính | Kiểu | K | U | M | Diễn giải |
| id | int(10) | x | x | x | Mã đơn hàng |
| user\_id | int(10) |  |  |  | Mã chi tiết đơn hàng |
| total\_amount | decimal(10,2) |  |  |  | Tổng tiền |
| order\_date | date |  |  |  | Ngày đặt hàng |
| status | enum |  |  |  | Trạng thái đơn hàng |

-Loại thực thể ORDER\_ITEMS:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thuộc tính | Kiểu | K | U | M | Diễn giải |
| id | int(10) | x | x | x | Mã chi tiết đơn hàng |
| order\_id | int(10) |  |  |  | Mã đơn hàng |
| product\_id | int(10) |  |  |  | Mã sản phẩm |
| price | decimal(10,2) |  |  |  | Giá sản phẩm |
| total\_amount | decimal(10,2) |  |  |  | Tổng tiền |

1. Usecase Chi Tiết:

* Chức năng đăng nhập:

Ảnh có chứa biểu đồ, Phông chữ, văn bản, vòng tròn

Nội dung do AI tạo ra có thể không chính xác.

 Mô tả usecase: Đăng nhập

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Đăng nhập Admin |
| Actor | Nhân viên |
| Mô tả | Mở trình duyệt web  Truy cập website bán sản phẩm  Nhân viên dùng tài khoản và mật khẩu cá nhân đăng nhập vào hệ thống.  Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập của nhân viên  Hệ thống thông báo đăng nhập thành công và chuyển trang sang quản lý. |
| Dữ liệu | Thông tin của nhân viên được lưu vào hệ thống |
| Tác động | Nhân viên bấm vào nút đăng nhập trên màn hình |
| Phản hồi | Hệ thống thông báo kết quả đăng nhập |

-Chức năng đăng xuất:

Ảnh có chứa biểu đồ, văn bản, Phông chữ, hàng

Nội dung do AI tạo ra có thể không chính xác.

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Đăng xuất |
| Actor | Nhân viên |
| Mô tả | Actor chọn chức năng đăng xuất  Hệ thống yêu cầu xác nhận  Hệ thống trở về trang yêu cầu đăng nhập |
| Điều kiện | Đăng nhập thành công |
| Tác động | Nhân viên bấm vào nút đăng xuất trên màn hình |
| Phản hồi | Hệ thống trở về trang đăng nhập |

-Chức năng quản lý sản phẩm:

Ảnh có chứa văn bản, biểu đồ, vòng tròn, hàng

Nội dung do AI tạo ra có thể không chính xác.

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Quản lý sản phẩm |
| Actor | Nhân viên |
| Mô tả | Nhân viên xem thông tin các sản phẩm đã được liệt kê và thực hiện các chức năng: Thêm, cập nhật thông tin và xóa sản phẩm. |
| Pre-conditions | Đăng nhập thành công |
| Post-conditions | Success: Thông tin sản phẩm được cập nhật  Fail: Thông tin sản phẩm không được cập nhật |
| Luồng sự kiện chính | Actor chọn chức năng Quản lý sản phẩm.  Hệ thống hiển thị màn hình Quản lý sản phẩm.  Extend Use Case ThemSanPham.  Extend Use Case CapNhatSanPham.  Extend Use Case XoaSanPham. |
| Luồng sự kiện phụ | Actor nhấn nút Thoát  Hệ thống hủy màn hình Quản lý sản phẩm. |
| Thêm Sản Phẩm | ThemSanPham  1. Actor nhập thông tin sản phẩm  2. Kiểm tra thông tin không rỗng.  3. Actor nhấn nút thêm.  4. Kiểm tra trùng mã sản phẩm  5. Cập nhật CSDL.  6. Hiển thị thông tin cập nhật.  7. Hiển thị thông báo  Rẽ nhánh 1:  2.1. Kiểm tra thông tin bị rỗng.  3.1. Lập lại bước 1 luồng sự kiện chính.  Rẽ nhánh 2:  4.1. Thông tin bị trùng.  5.1. Lặp lại bước 1 luồng sự kiện chính.  Rẽ nhánh 3:  5.2. Kiểm tra thông tin nhà sản xuất hợp lệ.  5.3. Cập nhật CSDL. |
| Cập Nhật Sản Phẩm | CapNhatSanPham  Actor nhập thông tin cập nhật cho sản phẩm  Kiểm tra thông tin không rỗng  Actor nhấn nút cập nhật  Cập nhật CSDL  Hiển thị thông tin cập nhật  Rẽ nhánh 1:  2.1.Kiểm tra thông tin rỗng  3.1. Lập lại bước 1 luồng sự kiện chính.  Rẽ nhánh 2:  4.1. Kiểm tra thông tin hợp lệ.  4.2. Cập nhật CSDL |
| Xóa Sản Phẩm | XoaSanPham  Actor nhấn nút xóa sản phẩm  Cập nhật CSDL  Hiển thị thông tin cập nhật  Rẽ nhánh 1:  2.1.Kiểm tra thông tin hợp lệ  2.2. Cập nhật CSDL |

-Chức năng quản lý loại sản phẩm:

Ảnh có chứa văn bản, biểu đồ, hình vẽ, vòng tròn

Nội dung do AI tạo ra có thể không chính xác.

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Quản lý loại sản phẩm |
| Actor | Admin |
| Mô tả | Nhân viên xem thông tin các loại sản phẩm đã được liệt kê và thực hiện các chức năng: Thêm, cập nhật và xóa loại sản phẩm. |
| Pre-conditions | Đăng nhập thành công |
| Post-conditions | Success: Thông tin thể loại sản phẩm được cập nhật  Fail: Thông tin thể loại sản phẩm không được cập nhật |
| Luồng sự kiện chính | Actor chọn chức năng Quản lý loại sản phẩm.  Hệ thống hiển thị màn hình Quản lý thông tin loại sản phẩm.  Extend Use Case ThemLoaiSanPham.  Extend Use Case CapNhatLoaiSanPham.  Extend Use Case XoaLoaiSanPham. |
| Luồng sự kiện phụ | Actor nhấn nút Thoát  Hệ thống hủy màn hình Quản lý loại sản phẩm. |
| Thêm Loại Sản Phẩm | ThemLoaiSanPham  1. Actor nhập thông tin loại sản phẩm  2. Kiểm tra thông tin không rỗng.  3. Actor nhấn nút thêm.  4. Kiểm tra trùng mã loại  5. Cập nhật CSDL.  6. Hiển thị thông tin cập nhật.  7. Hiển thị thông báo  Rẽ nhánh 1:  2.1. Kiểm tra thông tin bị rỗng.  3.1. Lập lại bước 1 luồng sự kiện chính.  Rẽ nhánh 2:  4.1. Thông tin bị trùng.  5.1. Lặp lại bước 1 luồng sự kiện chính.  Rẽ nhánh 3:  5.2. Kiểm tra thông tin danh mục hợp lệ.  5.3. Cập nhật CSDL. |
| Cập Nhật Loại Sản Phẩm | CapNhatLoaiSanPham  Actor nhập thông tin cập nhật cho loại sản phẩm  Kiểm tra thông tin không rỗng  Actor nhấn nút cập nhật  Cập nhật CSDL  Hiển thị thông tin cập nhật  Hiển thị  Rẽ nhánh 1:  2.1.Kiểm tra thông tin rỗng  3.1. Lập lại bước 1 luồng sự kiện chính.  Rẽ nhánh 2:  4.1. Kiểm tra thông tin hợp lệ.  4.2. Cập nhật CSDL |
| Xóa Loại Sản Phẩm | XoaLoaiSanPham  Actor nhấn nút xóa loại sản phẩm  Cập nhật CSDL  Hiển thị thông tin cập nhật  Rẽ nhánh 1:  2.1.Kiểm tra thông tin hợp lệ  2.2. Cập nhật CSDL |

-Chức năng quản lý mùi hương:

Ảnh có chứa văn bản, biểu đồ, vòng tròn, hình vẽ

Nội dung do AI tạo ra có thể không chính xác.

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Quản lý mùi hương |
| Actor | Admin |
| Mô tả | Nhân viên xem thông tin các mùi hương đã được liệt kê và thực hiện các chức năng: Thêm, cập nhật và xóa mùi hương. |
| Pre-conditions | Đăng nhập thành công |
| Post-conditions | Success: Thông mùi hương được cập nhật  Fail: Thông tin mùi hương không được cập nhật |
| Luồng sự kiện chính | Actor chọn chức năng Quản lý mùi hương.  Hệ thống hiển thị màn hình Quản lý thông tin mùi hương.  Extend Use Case ThemMuiHuong.  Extend Use Case CapNhatMuiHuong.  Extend Use Case XoaMuiHuong. |
| Luồng sự kiện phụ | Actor nhấn nút Thoát  Hệ thống hủy màn hình Quản lý mùi hương. |
| Thêm Mùi Hương | ThemMuiHuong  1. Actor nhập thông tin mùi hương  2. Kiểm tra thông tin không rỗng.  3. Actor nhấn nút thêm.  4. Kiểm tra trùng mã mùi hương  5. Cập nhật CSDL.  6. Hiển thị thông tin cập nhật.  7. Hiển thị thông báo  Rẽ nhánh 1:  2.1. Kiểm tra thông tin bị rỗng.  3.1. Lập lại bước 1 luồng sự kiện chính.  Rẽ nhánh 2:  4.1. Thông tin bị trùng.  5.1. Lặp lại bước 1 luồng sự kiện chính.  Rẽ nhánh 3:  5.2. Kiểm tra thông tin danh mục hợp lệ.  5.3. Cập nhật CSDL. |
| Cập Nhật Mùi Hương | CapNhatMuiHuong  Actor nhập thông tin cập nhật cho mùi hương.  Kiểm tra thông tin không rỗng  Actor nhấn nút cập nhật  Cập nhật CSDL  Hiển thị thông tin cập nhật  Hiển thị  Rẽ nhánh 1:  2.1.Kiểm tra thông tin rỗng  3.1. Lập lại bước 1 luồng sự kiện chính.  Rẽ nhánh 2:  4.1. Kiểm tra thông tin hợp lệ.  4.2. Cập nhật CSDL |
| Xóa Mùi Hương | XoaMuiHuong  Actor nhấn nút xóa mùi hương.  Cập nhật CSDL  Hiển thị thông tin cập nhật  Rẽ nhánh 1:  2.1.Kiểm tra thông tin hợp lệ  2.2. Cập nhật CSDL |

-Chức năng quản lý nhà sản xuất:

Ảnh có chứa văn bản, biểu đồ, hình vẽ, bản phác thảo

Nội dung do AI tạo ra có thể không chính xác.

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Quản lý mùi hương |
| Actor | Admin |
| Mô tả | Nhân viên xem thông tin các nhà sản xuất đã được liệt kê và thực hiện các chức năng: Thêm, cập nhật và xóa nhà sản xuất. |
| Pre-conditions | Đăng nhập thành công |
| Post-conditions | Success: Thông nhà sản xuất được cập nhật  Fail: Thông tin nhà sản xuất không được cập nhật |
| Luồng sự kiện chính | Actor chọn chức năng Quản lý nhà sản xuất.  Hệ thống hiển thị màn hình Quản lý thông tin nhà sản xuất.  Extend Use Case ThemMuiHuong.  Extend Use Case CapNhatMuiHuong.  Extend Use Case XoaMuiHuong. |
| Luồng sự kiện phụ | Actor nhấn nút Thoát  Hệ thống hủy màn hình Quản lý nhà sản xuất. |
| Thêm Nhà sản xuất | ThemNhaSanXuat  1. Actor nhập thông tin nhà sản xuất  2. Kiểm tra thông tin không rỗng.  3. Actor nhấn nút thêm.  4. Kiểm tra trùng mã nhà sản xuất  5. Cập nhật CSDL.  6. Hiển thị thông tin cập nhật.  7. Hiển thị thông báo  Rẽ nhánh 1:  2.1. Kiểm tra thông tin bị rỗng.  3.1. Lập lại bước 1 luồng sự kiện chính.  Rẽ nhánh 2:  4.1. Thông tin bị trùng.  5.1. Lặp lại bước 1 luồng sự kiện chính.  Rẽ nhánh 3:  5.2. Kiểm tra thông tin danh mục hợp lệ.  5.3. Cập nhật CSDL. |
| Cập Nhật Nhà sản xuất | CapNhatNhaSanXuat  Actor nhập thông tin cập nhật cho nhà sản xuất.  Kiểm tra thông tin không rỗng  Actor nhấn nút cập nhật  Cập nhật CSDL  Hiển thị thông tin cập nhật  Hiển thị  Rẽ nhánh 1:  2.1.Kiểm tra thông tin rỗng  3.1. Lập lại bước 1 luồng sự kiện chính.  Rẽ nhánh 2:  4.1. Kiểm tra thông tin hợp lệ.  4.2. Cập nhật CSDL |
| Xóa Nhà sản xuất | XoaNhaSanXuat  Actor nhấn nút xóa nhà sản xuất.  Cập nhật CSDL  Hiển thị thông tin cập nhật  Rẽ nhánh 1:  2.1.Kiểm tra thông tin hợp lệ  2.2. Cập nhật CSDL |

-Chức năng quản lý đơn hàng:

Ảnh có chứa văn bản, biểu đồ, hình vẽ, bản phác thảo

Nội dung do AI tạo ra có thể không chính xác.

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Quản lý đơn hàng |
| Actor | Admin |
| Mô tả | Nhân viên xem thông tin Đơn Đặt Hàng được liệt kê và thực hiện các chức năng: xem chi tiết đơn hàng, xử lý đơn hàng |
| Pre-conditions | Đăng nhập thành công |
| Post-conditions | Success: Đơn hàng được xử lý  Fail: Đơn hàng chưa được xử lý |
| Luồng sự kiện chính | Actor chọn chức năng Quản lý đơn hàng  Hệ thống hiển thị màn hình quản lý đơn hàng.  Extend Use Case Xem thông tin đơn hàng.  Extend Use Case Hủy đơn hàng  Extend Use Case Cập Nhật Trạng Thái Đơn Hàng |
| Luồng sự kiện phụ | Actor nhấn nút Thoát.  Hệ thống hủy màn hình Quản lý đơn hàng. |
| Xem thông tin đơn hàng | XemDonHang  1. Actor nhấn nút xem thông tin đơn hàng  2. Hệ thống kiểm tra CSDL.  3. Hiển thị thông tin đơn hàng.  Rẽ nhánh 1:  2.1. Kiểm tra đơn hàng hợp lệ.  3.1. Hiển thị thông tin đơn hàng |
| Cập nhật trạng thái đơn hàng | CapNhatTrangThaiDonHang  1. Actor nhấn nút xem thông tin đơn hàng  2. Hệ thống kiểm tra CSDL  3. Hiển thị thông tin đơn hàng.  4. Actor chọn trạng thái đơn hàng  5. Actor  nhấn nút cập nhật  6. Cập nhật CSDL  7. Hiển thị thông tin cập nhật  Rẽ nhánh 1:  2.1.Kiểm tra thông tin hợp lệ  3.1. Hiển thị thông tin đơn hàng  Rẽ nhánh 2:  6.1. Kiểm tra thông tin xử lý hợp lệ.  6.2. Cập nhật CSDL |

-Chức năng quản lý tài khoản:

Ảnh có chứa văn bản, biểu đồ, hình vẽ, bản phác thảo

Nội dung do AI tạo ra có thể không chính xác.

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Quản lý tài khoản |
| Actor | Admin |
| Mô tả | Actor có thể thêm,hiển thị các user đã có tài khoản trên hệ thống. |
| Pre-conditions | Đăng nhập thành công |
| Post-conditions | Success: Thông tin tài khoản được hiển thị  Fail: Thông tin tài khoản không hiển thị |
| Luồng sự kiện chính | Actor chọn chức năng Quản lý User.  Hệ thống hiển thị màn hình Quản lý User.  Extend Use Case thêm tài khoản.  Extend Use Case xem thông tin tài khoản. |
| Luồng sự kiện phụ | Actor nhấn nút Thoát  Hệ thống hủy màn hình Quản lý Thông Tin Tài Khoản. |
| <Extend Use Case> | Actor truy cập trang thêm tài khoản người dùng:  Actor chọn chức năng thêm tài khoản mới trên trang quản lý user.  Actor điền thông tin người dùng mới vào form:  Actor nhập tên, email, mật khẩu, và vai trò của người dùng mới.  Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin:  Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của email và mật khẩu.  Hệ thống lưu thông tin người dùng vào cơ sở dữ liệu:  Nếu thông tin hợp lệ, hệ thống lưu thông tin người dùng mới vào cơ sở dữ liệu.  Thông báo kết quả cho Actor:  Hệ thống hiển thị thông báo thành công hoặc lỗi cho Admin. |
| <Extend Use Case> | Actor truy cập trang danh sách tài khoản người dùng:  Actor chọn chức năng xem danh sách tài khoản trên trang quản lý user.  Hệ thống truy vấn cơ sở dữ liệu và lấy danh sách người dùng:  Hệ thống lấy thông tin về tất cả các tài khoản người dùng từ cơ sở dữ liệu.  Hệ thống hiển thị danh sách người dùng với các thông tin như tên, email. |

-Công việc dự kiến tuần 3:

|  |  |
| --- | --- |
| Công việc | Trang thái |
| 1.Tiếp tục code trang user và trang admin, code trang thêm sản phẩm | Đang thực hiện |
| 2.Code show thư mục cha con | Đang thực hiện |
| 3.Tìm kiếm hình ảnh sản phẩm | Đang thực hiện |
| 4.Tìm hiểu và rang buộc database để tiếp tục code các chức năng khác | Đang thực hiện |
| 5.Vẽ tiếp sơ đồ hoạt động, sơ đồ tuần tự | Đang thực hiện |